

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2024/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 16 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 69/TTr-SNN ngày 26 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

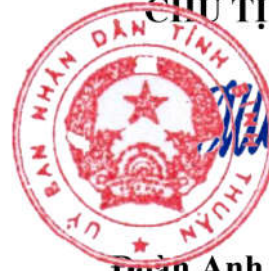
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, KT.Huy

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Anh Dũng

QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 16 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Nội dung dự án, kế hoạch liên kết (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập; văn bản chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết.

Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; hợp đồng liên kết; văn bản khác (nếu có) theo quy định của các bộ, cơ quan trung ương.

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Bước 1: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Bước 2: Khảo sát xây dựng dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã, ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch để khảo sát, xây dựng dự án, kế hoạch liên kết.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với ủy ban nhân dân cấp xã, ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo thành phần hồ sơ được quy định tại khoản 1 Điều này.

Đơn vị chủ trì liên kết nộp 05 bộ hồ sơ đề xuất đến cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Đối với dự án, kế hoạch liên kết do các cơ quan đơn vị cấp tỉnh được giao vốn để triển khai thực hiện, việc thành lập hội đồng thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Đối với dự án, kế hoạch liên kết do cấp huyện triển khai thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết. Thành phần hội đồng thẩm định bao gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo ủy ban nhân dân cấp huyện; các thành viên là lãnh đạo các phòng, ban có liên quan; lãnh đạo ủy ban nhân dân xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết và các thành phần khác (nếu cần thiết). Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định, trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì hội đồng thẩm định cùng cấp có tờ trình trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan chủ trì của hội đồng thẩm định cùng cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì liên kết được biết.

Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Đối với dự án, kế hoạch do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao vốn để triển khai thực hiện; các dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh; liên huyện (thực hiện trên địa bàn từ 02 huyện trở lên): Căn cứ ý kiến thẩm định của hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Đối với dự án, kế hoạch do cấp huyện triển khai thực hiện: Căn cứ đề nghị của hội đồng thẩm định, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận được tờ trình của hội đồng thẩm định cùng cấp, cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

3. Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Điều 3. Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất của cộng đồng (Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Biên bản họp cộng đồng (Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Nội dung dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Bản cam kết của hộ gia đình (Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Bản sao có chứng thực hợp đồng tiêu thụ (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục xây dựng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Bước 1: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Bước 2: Xây dựng dự án, phương án sản xuất, dịch vụ

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

Cộng đồng dân cư nộp 05 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ đến cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất để trình ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, phương án sản xuất, dịch vụ

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập tổ thẩm định dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng và nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, tổ thẩm định tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tổ thẩm định có tờ trình trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, tổ thẩm định phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, phương án sản xuất, dịch vụ

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến thẩm định của tổ thẩm định, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho thủ trưởng phòng, ban trực thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát

triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất. Trường hợp dự án không đủ điều kiện phê duyệt theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

3. Tiêu chí lựa chọn hỗ trợ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ cộng đồng

Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo đối ứng thực hiện dự án, phương án.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo Quy định này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quy định này.

3. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quy định này.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai thực hiện Quy định này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo các cơ quan chủ trì dự án cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn chủ trì liên kết, tổ, nhóm cộng đồng xây dựng, lập hồ sơ dự án, mô hình, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất theo đúng Quy định này.

b) Chỉ đạo vận động người dân trên địa bàn tham gia các dự án, mô hình, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản viện dẫn ở Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh các nội dung quy định, các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Tên dự án, kế hoạch liên kết
Mẫu số 03	Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết
Mẫu số 04	Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 05	Biên bản họp cộng đồng
Mẫu số 06	Tên Dự án...
Mẫu số 07	Cam kết của hộ gia đình tham gia dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN, KẾ HOẠCH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số/Quyết định thành lập ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia, (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) đề nghị..... (1):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm, dịch vụ:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô dự án, kế hoạch:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Tên cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TÊN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT
Phần I
GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

1. Thông tin chung về chủ trì liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

2. Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết

3. Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị chủ trì liên kết

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN KẾT (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại..... Fax: Email:

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

(Kèm theo biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và đơn vị tham gia liên kết).

3. Đơn vị liên kết thứ

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

4. Số lượng người dân, hộ gia đình là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia tham gia dự án, liên kết

(Kèm theo danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết).

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án, kế hoạch liên kết)

Phần II NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung
2. Mục tiêu cụ thể
3. Thời gian triển khai
4. Địa điểm, quy mô

II. NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động

(Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia;....)

2. Tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

Làm rõ tổng mức kinh phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết hoặc phần đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Đề xuất chi tiết nội dung, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Phần III

CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

Ngày ... tháng ... năm ..., tại.....,
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax: Email:

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

3. Đơn vị liên kết thứ

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT.....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết
2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết
3. Quy mô liên kết
4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch
2. Số vốn đề nghị hỗ trợ
3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết

(Bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án, kế hoạch liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ trì liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng****Kính gửi: UBND xã..... (hoặc UBND cấp huyện.....)**

Cộng đồng dân cư:

Người đại diện:.....

Chức vụ:

CMTND/CCCD:ngày cấp..... Nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:Email:.....

Căn cứ chính sách (Cộng đồng dân cư) đề nghị (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất:

2. Địa bàn thực hiện:.....

3. Quy mô:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:.....

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung hỗ trợ chi tiết (nếu cụ thể từng nội dung đề nghị nhà nước hỗ trợ):

2. Tổng vốn, kinh phí dự kiến đề nghị hỗ trợ:.....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm) \

III. CAM KẾT: (tên cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm

quyền phê duyệt.

4. Đảm bảo thực hiện thu hồi vốn quay vòng theo quy định
5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (*liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm*):.....

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

UBND XÃ.....
 KHU.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
 NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG

Hôm nay, ngày.....tháng..... năm....., tại thôn..... xã.....huyện....., nhóm hộ (tổ hợp tác) đã tổ chức họp để lựa chọn các hộ đủ điều kiện, đăng ký tham gia dự án..... như sau:

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà) Chức vụ: Trưởng khu dân cư.
- Thư ký cuộc họp: Ông (bà)..... Chức vụ:

II. Thành phần tham gia:

- Đại diện UBND xã:.....
- Đại diện thôn (nơi triển khai dự án):
- Đại diện nhóm hộ (Tổ hợp tác):.....
- Số hộ tham gia:hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn thôn

III. Nội dung cuộc họp.

1. Thống nhất cử đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): Thống nhất tên dự án:.....; Thông qua nội dung, điều kiện và cơ chế hỗ trợ; Bình xét hộ đủ điều kiện về đất đai, lao động tham gia dự án; Tổng số hộ tham cuộc họp bình xét.....hộ; Tổng số hộ được lựa chọn tham gia dự án:.....hộ, trong đó: hộ nghèo..... hộ, hộ cận nghèo:.... hộ, hộ mới thoát nghèo..... hộ; lập danh sách các đối tượng tham gia dự án.

3. Đối tượng tham gia:.....

4. Thời gian triển khai:.....

5. Địa bàn thực hiện:.....

6. Các hoạt động của dự án:

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia:

8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):.....

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách

nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:.....

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:.....

11. Tổ chức thực hiện dự án:.....

12. Các nội dung liên quan khác

Cuộc họp đã kết thúc vàogiờ cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện nhóm
hộ/Tổ hợp tác/cộng
đồng**
(ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng khu dân
cư**
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND Xã
(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày.... tháng ... năm 20.....

TÊN DỰ ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
.....
3. Đối tượng tham gia: số lượng:hộ (có danh sách kèm theo)
4. Thời gian triển khai: Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc
5. Địa bàn thực hiện:
6. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm:.....
.....
7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án và phân kỳ theo từng năm; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lòng ghép thực hiện các chính sách và phần đóng góp của các hộ gia đình tham gia).
8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có): *(nêu rõ số tiền quay vòng phải thu, hình thức thu, thời gian thu...)*.
9. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:.....
10. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; (nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.....)
11. Nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ thuật:
12. Các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có):
13. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:
14. Tổ chức thực hiện dự án:
15. Các nội dung liên quan khác:

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... thángnăm 20

BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH
THAM GIA DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Họ và tên chủ hộ:
2. Địa chỉ: Khu....., xã, huyện.....
3. Số CCCD/CMTND:, do cơ quan công an
cấp, ngày....., tháng, năm 20...
4. Số điện thoại:.....

TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án.
3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án/phương án.
4. Thực hiện luân chuyển hiện vật hoặc tiền quay vòng theo phê duyệt dự án/phương án của cấp có thẩm quyền (nếu có).
5. Nếu vi phạm cam kết, Tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau. UBND xã giữ 01 bản; Tổ trưởng, nhóm trưởng giữ 01 bản; cá nhân giữ 01 bản.

Đại diện nhóm trưởng/Tổ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đại diện hộ tham gia
(Ký, ghi rõ họ tên)